TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THẠNH** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/DS-ST
Ngày 18/7/2019
V/v: "Tranh chấp thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cương Lĩnh;

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Mai Thanh Bình;
- Bà Lê Bảo Ngân;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thạch – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Tiến Lễ, Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2015/DS-ST ngày 13 tháng 10 năm 2015 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2017/QĐXX-ST ngày 04 tháng 12 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn:

1/ Ông Trần Nhật A

2/ Bà Trần Thị B

Cùng địa chỉ:Khu phố L, thị trấn K, huyện L, tỉnh Kiên Giang

3/ Ông Trần Văn C

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện V, Thành phố Cần Thơ

4/ Ông Trần Văn D

Ông D có các người kế thừa quyền và nghĩa vụ:

1/ Bà Nguyễn Thị E

2/ Ông Trần Minh F

3/ Bà Trần Thị Kim G

4/ Ông Trần Minh H

Cùng địa chỉ: đường H, Phường 13, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông F, bà G, ông H cùng ủy quyền cho bà E theo văn bản ủy quyền ngày 29/11/2016.

Bị đơn: Ông Trần Đức K

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện V, Thành phố Cần Thơ

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị L

2/ Ông Danh Minh H

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện V, Thành phố Cần Thơ.

3/ Ủy ban nhân dân huyện V, Thành phố Cần Thơ

Địa chỉ: Đường P, thị trấn R, huyện V, Thành phố Cần Thơ

Có đại diện ông Nguyễn Văn Đ

Địa chỉ: Khu vực T1, phường T, quận T, Thành phố Cần Thơ.

4/ Bà Trần Thị X

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện V, Thành phố Cần Thơ

5/ Ông Trần Văn T2

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện V, Thành phố Cần Thơ

Người làm chứng:

1/ Bà Nguyễn Thị O

2/ Ông Tạ Văn T3

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện V, Thành phố Cần Thơ.

(Ông A, ông C có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày như sau:

Ông là con ruột của ông X và bà H, cha tôi chết vào năm 2001 và mẹ chết năm 2013, không để lại di chúc. Lúc cha mẹ còn sống sinh được 05 người con gồm:

1/ Trần Nhật A, sinh năm 1950;

2/ Trần Văn D, sinh năm 1954 (chết);

3/ Trần Thị C, sinh năm 1964;

4/ Trần Đức K, sinh năm 1970;

5/ Trần Văn C, sinh năm 1976;

Cha mẹ ông không có con riêng, con nuôi gì khác, cha mẹ của ông X và bà H đều đã chết từ lâu.

Riêng ông D đã chết có các người kế thừa quyền và nghĩa vụ là gồm bà Nguyễn Thị E, ông Trần Minh F, bà Trần Thị Kim G, ông Trần Minh H.

Khi cha mẹ còn sống thì có tạo lập một số di sản là quyền sử dụng đất gồm các thửa đất: Thửa 864, diện tích 900m2, loại đất (T+LNK); thửa 865 diện tích 3100m2 (LM); thửa 866 diện tích 7000m2 (2L); thửa 867, diện tích 675m2 (2L),

thửa 868, diện tích 610m2 (knNN); thửa 869 diện tích 7800m2 (2L), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000294 cấp ngày 14/9/1994 do ông Trần Văn X đứng tên.

Nguồn gốc các thửa đất này là do Nhà nước cấp và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn X.

Đối với kết quả đo đạc định giá, theo biên bản đo đạc định giá ngày 06/01/2016 và các biên bản trích đo địa chính do văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cung cấp với kết quả, số đo, diện tích thực tế, giá trị đất và tài sản được xác định trong biên bản định giá ngày 06/01/2016 ông thống nhất không ý kiến gì.

Ông thống nhất chia cho ông K một phần đối với thửa 864 được 5m ngang trước sau chạy dài hết thửa tính từ giáp thửa 863 kéo qua. Đối với các thửa còn lại 865; 866; 867; 868, 869 ông đồng ý chia cho ông K ngang trước, ngang sau 4m chạy dài hết thửa, vị trí giáp với ông Bùi Hữu Y kéo qua. Ông đồng ý nhận toàn bộ các tài sản trừ phần chia cho ông K, ông đồng ý trả lại giá trị cho các anh em mỗi người là 100.000.000đ.

Căn nhà trên thửa 864 là tài sản của cha mẹ của ông là ông X và bà H chứ không phải của ông K. Ông đồng ý nhận căn nhà làm nhà tổ để thờ cúng. Ông nhận căn nhà và chia 1/5 giá trị căn nhà cho K là 50.000.000đ.

** Phần trình bày của nguyên đơn bà B:*

Bà là con ruột của ông X và bà H, ông X chết vào năm 2001 và bà H chết năm 2013, không để lại di chúc. Cha mẹ bà không có con riêng, con nuôi gì khác, cha mẹ của ông X và bà H đều đã chết từ lâu. Lúc cha mẹ còn sống sinh được 05 người con gồm:

1/ Trần Nhật A, sinh năm 1950;

2/ Trần Văn D, sinh năm 1954 (chết);

3/ Trần Thị B, sinh năm 1964;

4/ Trần Đức K, sinh năm 1970;

5/ Trần Văn C, sinh năm 1976;

Khi cha mẹ còn sống thì có tạo lập một số di sản là quyền sử dụng đất gồm các thửa đất: Thửa 864, diện tích 900m2, loại đất (T+LNK); thửa 865 diện tích 3100m2 (LM); thửa 866 diện tích 7000m2 (2L); thửa 867, diện tích 675m2 (2L), thửa 868, diện tích 610m2 (knNN); thửa 869 diện tích 7800m2 (2L), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000294 cấp ngày 14/9/1994 do ông Trần Văn X đứng tên. Nguồn gốc các thửa đất này là do Nhà nước cấp và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn X.

Đối với kết quả đo đạc định giá, theo biên bản đo đạc định giá ngày 06/01/2016 và các biên bản trích đo địa chính do văn phòng đăng ký quyền sử

dụng đất cung cấp với kết quả, số đo, diện tích thực tế, giá trị đất và tài sản được xác định trong biên bản định giá ngày 06/01/2016 bà thống nhất không ý kiến gì.

Bà thống nhất chia cho ông K một phần đối với thửa 864 được 5m ngang trước sau chạy dài hết thửa tính từ giáp thửa 863 kéo qua. Đối với các thửa còn lại 865; 866; 867; 868, 869 bà đồng ý chia cho ông K ngang trước, ngang sau 4m chạy dài hết thửa, vị trí giáp với ông Bùi Hữu Y kéo qua. Phần còn lại giao hết cho ông A nhưng ông A phải giải giao lại cho bà là 100.000.000đ bao gồm luôn phần giá trị căn nhà trên thửa 864.

Căn nhà trên thửa 864 là tài sản của cha mẹ bà là ông X và bà H chứ không phải của ông K. Đồng ý giao lại cho ông A làm nhà tổ để thờ cúng. Ông A phải có trách nhiệm trả lại cho ông K một phần giá trị căn nhà là 50.000.000đ cho ông K để ông K xây lại nhà khác ở, giao lại nhà đó cho ông A.

Tại biên bản làm việc ngày 03/7/2019 tại Tòa án bà thay đổi lời trình bày, bà thống nhất giao lại toàn bộ phần còn lại sau khi chia cho ông K theo nội dung trình bày trên, cho ông C là em út, kể cả căn nhà trên thửa 864, nhưng ông C phải trả cho bà giá trị được chia là 100.000.000đ. Đồng thời bà có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

** Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông D có bà E (bà E đại diện cho các con gồm ông F, bà G, ông H) thống nhất trình bày:*

Bà là vợ của ông D và ông D có tất cả 03 người con là Trần Minh F, Trần Thị Kim G, Trần Minh H, ngoài ra không ai có con riêng con nuôi gì khác. Bà là đại diện ủy quyền cho F, G và H theo văn bản ủy quyền ngày 29/11/2016.

Đối với các thửa 864, diện tích 900m2, loại đất (T+LNK); thửa 865 diện tích 3100m2 (LM); thửa 866 diện tích 7000m2 (2L); thửa 867, diện tích 675m2 (2L), thửa 868, diện tích 610m2 (knNN); thửa 869 diện tích 7800m2 (2L), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000294 cấp ngày 14/9/1994 do ông Trần Văn X đứng tên. Nguồn gốc các thửa đất này là do Nhà nước cấp và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn X.

Chồng bà là ông D đã chết, bà và các con yêu cầu ông K người quản lý di sản có trách nhiệm chia lại tài sản trên theo thừa kế theo quy định của pháp luật. Phần bà và các con được hưởng của ông D để lại hết cho ông A, nhưng ông A phải có trách nhiệm trả lại giá trị cho bà theo biên bản định giá do tòa án lập.

Ông X và bà H, cha tôi chết vào năm 2001 và mẹ chết năm 2013, không để lại di chúc. Lúc cha mẹ còn sống sinh được 05 người con gồm:

1/ Trần Nhật A, sinh năm 1950;

2/ Trần Văn D, sinh năm 1954 (chết);

3/ Trần Thị B sinh năm 1964;

4/ Trần Đức K, sinh năm 1970;

5/ Trần Văn C, sinh năm 1976;

Cha mẹ của ông D không có con riêng, con nuôi gì khác, cha mẹ của ông X và bà H đều đã chết từ lâu.

Đối với kết quả đo đạc định giá, theo biên bản đo đạc định giá ngày 06/01/2016 và các biên bản trích đo địa chính do văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cung cấp với kết quả, số đo, diện tích thực tế, giá trị đất và tài sản được xác định trong biên bản định giá ngày 06/01/2016 bà cũng thống nhất không ý kiến gì.

Bà thống nhất chia cho ông K một phần đối với thửa 864 được 5m ngang trước sau chạy dài hết thửa tính từ giáp thửa 863 kéo qua. Đối với các thửa còn lại 865; 866; 867; 868, 869 bà đồng ý chia cho ông K ngang trước sau 4m chạy dài hết thửa, vị trí giáp với ông Bùi Hữu Y kéo qua. Phần còn lại giao hết cho ông A nhưng ông A phải giải giao lại cho tôi là 100.000.000đ bao gồm luôn phần giá trị căn nhà trên thửa 864.

Căn nhà trên thửa 864 là tài sản của cha mẹ chồng bà là của ông X và bà Hchứ không phải của ông K. Đồng ý giao lại cho ông A làm nhà tổ để thờ cúng. Ông A phải có trách nhiệm trả lại cho ông K một phần giá trị căn nhà là 50.000.000đ cho ông K để ông K xây lại nhà khác ở, giao lại nhà đó cho ông A.

Tại biên bản làm việc ngày 03/7/2019 tại Tòa án bà thay đổi lời trình bày, bà thống nhất giao lại toàn bộ phần còn lại sau khi chia cho ông K theo nội dung trình bày trên, cho ông C là em út, kể cả căn nhà trên thửa 864, nhưng ông C phải trả cho bà cùng các con giá trị là 100.000.000đ. đồng thời bà có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

** Phần trình bày của nguyên đơn ông C:*

Ông là con ruột của ông X và bà H, cha mẹ ông chết và có các người con như ông A trình bày là đúng.

Khi cha mẹ còn sống thì có tạo lập một số di sản là quyền sử dụng đất gồm các thửa đất: Thửa 864, diện tích 900m^2, loại đất (T+LNK); thửa 865 diện tích 3100m^2 (LM); thửa 866 diện tích 7000m^2 (2L); thửa 867, diện tích 675m^2 (2L), thửa 868, diện tích 610m^2 (knNN); thửa 869 diện tích 7800m^2 (2L), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000294 cấp ngày 14/9/1994 do ông Trần Văn X đứng tên. Nguồn gốc các thửa đất này là do Nhà nước cấp và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn X.

Nay ông yêu cầu chia phần di sản mà cha mẹ để lại thành 05 phần bằng nhau, ông xin nhận 01 phần trong 05 phần di sản mà cha mẹ để lại. Ông yêu cầu nhận bằng hiện vật.

Đối với kết quả đo đạc định giá, theo biên bản đo đạc định giá ngày 06/01/2016 và các biên bản trích đo địa chính do văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cung cấp với kết quả, số đo, diện tích thực tế, giá trị đất và tài sản được xác định trong biên bản định giá ngày 06/01/2016 ông thống nhất không ý kiến gì.

** Phần trình bày của bị đơn ông K:*

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông không đồng ý.

Theo ông được biết thì cha mẹ đã chia tài sản bằng giá trị quyền sử dụng đất cho ông Trần Nhật A, ông Trần Văn D, còn lại phần của bà Trần Thị B và Trần Văn C thì cha mẹ đã chia nhưng mẹ có nói là sau này sẽ chia cho bà B1000m^2 đất lúa nhưng không biết thửa nào, ai sử dụng phần đất của chị B thì trả lại giá trị bằng tiền cho chị B và phần của C không chia do đã nuôi C ăn học.

Ông đồng ý giao trả gía trị cho bà B nếu bà B đồng ý giao cho tôi canh tác 1000m2 đất lúa mà cha mẹ đã chia.

Đối với kết quả đo đạc định giá, theo biên bản đo đạc định giá ngày 06/01/2016 và các biên bản trích đo địa chính do văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cung cấp với kết quả, số đo, diện tích thực tế, giá trị đất và tài sản được xác định trong biên bản định giá ngày 06/01/2016 ông cũng thống nhất không ý kiến gì.

* Phần trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị L và Danh Minh H:

Ông H và bà L là vợ chồng cùng ở trên phần đất tranh chấp giữa ông A và ông K từ tháng 4 năm 2017 việc ở này là ông K cho ở nhờ do hoàn cảnh của ông bà khó khăn, không thuê mướn gì. Qua việc tranh chấp giữa các nguyên đơn và bị đơn ông bà cũng không biết, không có ý kiến gì. Nếu lời khai của ông bà có mâu thuẫn cần phải đối chất thì ông bà cũng từ chối đối chất với bất kỳ ai nếu có. Do bận công việc ông bà cũng xin được vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng tại các nơi các cấp Tòa án.

** Phần trình bày của ông Trần Văn T2, tại biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2019 tại Tòa án như sau:*

Ông không họ hàng gì với các đương sự trong vụ án, vào ngày 06/12/2014 ông có nhận cố đất diện tích 10.000m^2, loại đất LUC, thuộc 01 phần các thửa đất số 865, 866, 867, 968, 869, tờ bản đồ số 09, đất do ông Trần Văn X (chết) đứng tên quyền sử dụng. hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) ông đang giữ, phần đất nhận cố ông cũng đang quản lý. Ông nhận cố đất trên trực tiếp từ ông C, số vàng cố là 70 chỉ vàng 24k, loại 98%, thời hạn cố đất là 04 năm, ông đã giao đủ số vàng trên lại cho ông C, việc cố hai bên chỉ làm giấy tay, không công chứng chứng thực, hiện thời hạn cố đất đã hết, nhưng do ông C không chuộc lại nên ông

vẫn tiếp tục canh tác. Qua yêu cầu khởi kiện của các đương sự thì ông không yêu cầu độc lập trong vụ án, nếu sau có ảnh hưởng đến quyền lợi ông sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác, Ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng, tại các nơi các cấp Tòa án.

* Lời trình bày của người làm chứng Tạ Văn T3:

Ông không có mối quan hệ gì với ông A và ông K chỉ là người hàng xóm, qua việc tranh chấp thừa kế giữa các nguyên đơn và bị đơn trong vụ án thì ông không biết, cũng như không có ý kiến gì, việc bà H trước đây có mượn vàng là để xây nhà chứ không nghe nói để làm mục đích gì khác. Do bận công việc nên ông xin được vắng mặt tại các nơi các cấp Tòa án trong tất cả các giai đoạn tố tụng, từ chối đối chất với bất kỳ ai nếu có.

** Lời trình bày của người làm chứng bà Nguyễn Thị O:*

Bà không có mối quan hệ gì với các nguyên đơn và bị đơn trong vụ án. Trước đây bà chỉ có nghe bà H nói đã cho ông A 07 chỉ vàng, nhưng chỉ là cho mượn, nhưng ông A chưa trả nên trừ vào phần đất mà bà dự định sẽ cho ông A sau này. Việc cho như thế nào và thời gian như thế nào thì bà cũng không rõ, bà cũng có nghe nói là 02 người con là K và C là chưa cho, còn ông D cho hay chưa bà cũng không biết. Qua việc tranh chấp thừa kế thì bà không có ý kiến gì, do bận công việc nên bà xin được vắng mặt tại các nơi các cấp Tòa án trong tất cả các giai đoạn tố tụng, từ chối đối chất với bất kỳ ai nếu có.

Phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa:

Ông A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nhưng nhường phần được hưởng trong khối di sản của ông X và bà H được hưởng lại cho ông C, để ông C quản lý thực hiện vào việc thờ cúng ông bà. Đồng ý chia cho ông K thửa 864 ngang 5m chạy dài hết thửa đất, diện tích 226m2 (50m2 loại đất T, 176m2 loại đất CLN); Chia các thửa đất còn lại cho ông K gồm thửa số 865, 866, 867, 868, 869 diện tích ngang 4m dài hết thửa đất, diện tích cụ thể tại thửa 865 là 625m2, thửa số 866 diện tích là 1420m2, thửa số 867 diện tích là 143m2, thửa số 868, diện tích là 124m2, thửa số 869, diện tích là 1401m2, loại đất LUC. Chia cho ông K 50.000.000đ giá trị căn nhà trên thửa 864 cho ông K, buộc ông K phải giao lại nhà cho ông C, để thực hiện vào việc thờ cúng. Giao toàn bộ di sản phần còn lại của ông X và bà H trong thửa 864, 865, 866, 867, 868, 869 và căn nhà trên thửa 864 lại cho ông C. Ông C có trách nhiệm trả lại giá trị cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông D gồm bà E, ông F, ông G, ông Hlà 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và trả lại giá trị cho bà B là 100.000.000đ.

Đối với phần bà X đề nghị giao luôn cho ông C quản lý, khi nào bà X về ông C có trách nhiệm giao lại theo qui định.

Ông C thống nhất với lời trình bày của ông A tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về thủ tục: Việc tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không rõ lý do, các đương sự khác vắng mặt nhưng có yêu cầu vắng mặt nên đề nghị tiếp tục xét xử.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia cho ông K 5m đất thổ thửa 864 trước sau chạy dài hết thửa tính từ giáp thửa 863 kéo qua. Đối với các phần đất thuộc các thửa số 865, 866, 867, 868, 869 chia cho ông K ngang trước sau 4m chạy dài hết thửa, vị trí giáp nhà ông Bùi Hữu Y kéo qua. Công nhận sự tự nguyện của ông D về việc hỗ trợ cho ông K 50.000.000đ để ông K xây nhà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định dây là quan hệ pháp luật tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, đối chất, nhưng không thành, do đó phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa một số đương sự vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông K vắng mặt nhiều lần nên căn cứ vào qui định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đủ căn cứ để xét xử vắng mặt những người này. Về thời hiệu khởi kiện: ông Trần Văn X chết năm 2001, bà H chết năm 2013 đối chiếu tại thời điểm xét xử thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo qui định tại Điều 623 và khoản 1, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông X chết năm 2001, bà H chết năm 2013 không để lại di chúc nên di sản được phân chia theo pháp luật, di sản của ông X và bà H các đương sự yêu cầu chia gồm quyền sử đụng đất các thửa đất số 864, 865, 866, 867, 868, 869 và căn nhà trên thửa số 864, đất do ông K quản lý sử dụng. Hàng thừa kế thứ nhất của ông X và bà H gồm: Ông A; bà B; ông C; ông D (chết), người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông D gồm bà E, ông F, G, H, bà X và ông K. Nên di sản của ông X và bà H được chia làm 06 phần bằng nhau.

Theo ông A, ông C, bà B cho rằng bà X là con nuôi của ông X và bà H, bà Xinh đã bị ông X và bà H không nhận làm con nuôi đã lâu, do bà X trộm cắp tài sản và đã bỏ nhà đi biệt tích từ rất lâu, nên không được hưởng di sản của ông X và bà H để lại. Tuy nhiên, theo qui định của pháp luật tại Điều 651 Bộ luật dân sự

năm 2015 thì con nuôi vẫn được hưởng suất như con ruột, nên di sản của ông X và bà H được chia làm 06 phần cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông X và bà H như trên. Ngoài ra, Tòa án tiến hành xác minh tàng thư hộ khẩu công an huyện theo biên bản xác minh ngày 12/4/2018 thể hiện bà Trần Thị X, sinh năm 1962 (con chủ hộ ông Trần Văn X), nên đủ cơ sở pháp lý chứng minh cho mối quan hệ bà X là con của ông Xvà bà H. Tuy nhiên, bà X đã bỏ địa phương đi không rõ đi đâu, các đương sự cũng đã yêu cầu và Tòa án đã có quyết định tuyên bố bà X là mất tích, nên phần bà X được hưởng sẽ được xem xét giao lại cho những người đồng thừa kế khác quản lý, khi nào bà X về người quản lý có trách nhiệm giao lại cho bà X theo qui định.

[2.2] Ông A, bà B, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông D gồm bà E, ông F, bà G, ông F và ông C thống nhất thỏa thuận chia cho ông K thửa 864 ngang 5m chạy dài hết thửa đất, diện tích 226m^2 (50m2 loại đất T, 176m2 loại đất CLN); Chia các thửa đất còn lại cho ông K gồm thửa số 865, 866, 867, 868, 869 diện tích ngang 4m dài hết thửa đất, diện tích cụ thể tại thửa 865 là 625m^2, thửa số 866 diện tích là 1420m^2, thửa số 867 diện tích là 143m^2, thửa số 868, diện tích là 124m^2, thửa số 869, diện tích là 1401m^2, loại đất LUC. Chia cho ông K 50.000.000đ giá trị căn nhà trên thửa 864 cho ông K, buộc ông K phải giao lại nhà cho ông C, để thực hiện vào việc thờ cúng. Giao toàn bộ di sản phần còn lại của ông X và bà H trong thửa 864, 865, 866, 867, 868, 869 và căn nhà trên thửa 864 lại cho ông C. Ông Ccó trách nhiệm trả lại giá trị cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông D gồm bà E, ông F, ông G, ông H là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và trả lại giá trị cho bà B là 100.000.000đ.

Ông A tự nguyện về việc nhường lại toàn bộ phần ông được hưởng trong khối di sản của ông X và bà H trong các thửa số 864, 865, 866, 867, 868, 869 và căn nhà trên thửa số 864 lại cho ông C, đây là sự tự nguyện của ông A, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy, nếu chia di sản cho ông K theo pháp luật ông K nhận được 1/6 tổng di sản của ông X và bà H để lại trong các thửa đất trên thì một suất thừa kế mà lẽ ra ông K được hưởng là ít hơn sự tự nguyện của các đương sự trên tự nguyện chia cho ông K, nên có lợi cho bị đơn, cũng không ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Xinh (mất tích). Nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn.

[2.3] Các đồng thừa kế gồm ông A, bà B, ông C đều đề nghị giao phần của bà X lại cho ông C quản lý. Hội đồng xét xử nhận thấy bà X đã mất tích (đã có quyết định của Tòa án tuyên bố bà X mất tích, có hiệu lực pháp luật), các anh em trừ ông K đều thống nhất giao phần bà X được hưởng lại cho ông C quản lý, phần của ông

C được hưởng trong di sản của ông X và bà H để lại lớn hơn ông K, trong đó có căn nhà trên thửa 864, ông C dùng vào việc thờ cúng ông X và bà H. Do đó, giao phần bà X được hưởng cho ông C tiếp tục quản lý, khi nào bà X về có yêu cầu, ông C có trách nhiệm chia lại cho bà X theo qui định của pháp luật.

[2.4] Quá trình giải quyết vụ án ông K cho rằng khi cha mẹ ông X và bà H còn sống đã chia cho ông A và ông D bằng tiền rồi, ông C thì cha mẹ đã cho ăn học xong nên không chia nữa. Bà B cha mẹ hứa chia cho 1.000m^2, nên ông chỉ đồng ý chia cho bà B 1.000m^2 loại đất LUC . Đối với căn nhà ở trên thửa 864 là do ông bỏ tiền ra xây, chứ không phải tiền của cha mẹ. Hội đồng xét xử nhận thấy ông K trình bày nhưng không có chứng cứ gì chứng minh, trong khi ông X và bà H chết không để lại di chúc, các người làm chứng ông yêu cầu Tòa án ghi lời khai cũng không chứng minh được gì. Pháp luật chia thừa kế cũng không có qui định loại trừ việc đã cho tiền hoặc cho ăn học xong là không được nhận di sản thừa kế, nên lời trình bày của ông là không có cơ sở để xem xét.

[3] Đối với việc ông Trần Văn T2 nhận cố đất của ông C, hiện thời hạn cố đã hết, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính ông T2 giữ. ông T2, cũng như không ai yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết, khi nào có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Riêng đối với giấy chứng nhận quyền sử đụng dất bản chính ông T2 đang giữ ông T2 phải có trách nhiệm giao lại cho ông C để thực hiện việc cấp lại theo sự phân chia.

[4] Về án phí và chi phí thẩm định:

Về án phí: Các đương sự phải chịu theo qui định của pháp luật, tương ứng với 5% phần được chia. Đối với phần bà X chưa chia nên bà X không phải chịu án phí.

Về chi phí xem xét thẩm định, định giá, lệ phí trích đo địa chính: Hội đồng chi các khoản hết các khoảng là 5.812.000đ (năm triệu tám trăm mười hai ngàn đồng). Ông A đã nộp tạm ứng và chi xong. Trong đó có 04 người được chia gồm: ông C, ông K, bà B và bà E cùng các con. Nên mỗi người phải chịu 1.453.000đ (một triệu bốn trăm năm mươi ba ngàn đồng) để chuyển trả lại cho ông A.

[5] Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất về giải quyết nội dung là phù hợp với nhận định và quyết định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 4, 5, 6, 11, 14, 26, 35, 147, 155, 165, 227, 228, 262, 264, 266 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Các Điều 612, 613, 613, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 95, 97 Luật đất đai năm 2013.

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Chia, giao cho ông Trần Đức K diện tích thửa 864 ngang 5m chạy dài hết thửa đất, diện tích 226m^2 (50m^2 loại đất T, 176m^2 loại đất LNK); Chia các thửa đất còn lại cho ông Trần Đức K gồm thửa số 865, 866, 867, 868, 869 diện tích ngang 4m dài hết thửa đất, diện tích cụ thể tại thửa 865 là 625m^2, thửa số 866 diện tích là 1420m^2, thửa số 867 diện tích là 143m^2, thửa số 868, diện tích là 124m^2, thửa số 869, diện tích là 1401m^2, đều thuộc loại đất LUC, thuộc tờ bản đồ số 09, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000294, cấp ngày 14/9/1994, do ông Trần Văn X đứng tên quyền sử dụng. đất tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện N (cũ), nay là ấp B, xã T, huyện V, Thành phố Cần Thơ.

Buộc ông Trần Văn C phải chia, trả cho ông Trần Đức K 50.000.000đ (năm mươi triệu) giá trị căn nhà trên thửa 864 cho ông Trần Đức K.

Dành quyền lưu cư cho ông Trần Đức K trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày ông Trần Văn C giao đủ số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu) cho ông Trần Đức K.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Nhật A về việc nhường lại toàn bộ phần ông được hưởng trong khối di sản của ông X và bà H trong các thửa số 864, 865, 866, 867, 868, 869 và căn nhà trên thửa số 864 lại cho ông Trần Văn C.

Giao toàn bộ di sản phần còn lại của ông X và bà H trong thửa 864, 865, 866, 867, 868, 869 và căn nhà trên thửa 864 lại cho ông C (bao gồm phần của bà Xinh giao cho ông C quản lý).

Buộc ông Trần Đức K phải di dời tài sản trả lại căn nhà trên thửa 864 và giao phần diện tích đất còn lại trong các thửa số 865, 866, 867, 868, 869 cho ông Trần Văn C.

Các đương sự có quyền liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự theo nội dung đã tuyên.

Ông Trần Văn T2 có trách nhiệm giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000294, cấp ngày 14/9/1994, do ông Trần Văn X đứng tên quyền sử dụng. đất tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện N (cũ), nay là ấp B, xã T, huyện V, Thành phố Cần Thơ cho ông Trần Văn C để thực hiện việc cấp lại theo sự phân chia.

Căn cứ vào biên bản định giá ngày 06/01/2016, do Tòa án thành lập đoàn đo đạc, định giá; các mảnh trích đo địa chính số 24, 25, 25, 27, 28, 29/2016, ngày 26/01/2016 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Vĩnh Thạnh (nay là chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Vĩnh Thạnh) và bảng trích đo địa chính có xác nhận của Hội đồng xét xử ngày 18/7/2019 để xác định, vị trí, kích thước, diện tích phần đất các đương sự tranh chấp, được chia, cũng như được công nhận để thi hành.

Buộc ông Trần Văn C phải có trách nhiệm trả lại giá trị cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông D gồm bà E, ông F, bà G, ông H là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng)

Buộc ông Trần Văn C phải có trách nhiệm trả lại giá trị cho bà Trần Thị B là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày ông K, bà B và những người kể thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn D gồm bà Nguyễn Thị E, ông Trần Minh F, bà Trần Thị Kim G, ông Trần Minh H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Trần Văn C chậm trả số tiền trên còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất qui định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí và chi phí đo đạc, thẩm định, định giá, lệ phí trích đo địa chính:

Về án phí: Bà Trần Thị B phải nộp 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng) (đã giảm 50% án phí do có đơn, thuộc trường hợp có hoàn cảnh kinh tế khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.910.000đ (ba triệu chín trăm mười ngàn đồng), theo biên lai thu tiền số AB/2013/008623, ngày 12/10/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, Tp Cần Thơ. Bà B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn thừa là: 1.410.000đ (một triệu bốn trăm mười ngàn đồng);

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn D gồm bà E cùng các con ông F, bà G, ông H phải nộp 5.000.000đ (năm triệu đồng). Trong đó, bà E được miễn án phí do người cao tuổi, các người còn lại phải nộp án phí phải nộp án phí là 3.750.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 3.910.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số AB/2013/008620, ngày 12/10/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, bà E cùng các con ông F, bà G, ông H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 160.000đ (một trăm sáu mươi ngàn đồng);

Ông Trần Đức K phải nộp án phí là: 15.181.000đ (mười lăm triệu một trăm tám mươi một ngàn đồng).

Ông Trần Văn C phải nôp án phí là: 11.104.300đ (mười một triệu một trăm lẻ bốn ngàn, ba trăm đồng) (do ông C nhận luôn phần của ông A), đã xem xét giảm

50% án phí, do có đơn, thuộc trường hợp có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.910.000đ (ba triệu chín trăm mười ngàn đồng), theo biên lai thu tiền số AB/2013/008621, ngày 12/10/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, Tp Cần Thơ. Ông Trần Văn C phải nộp thêm số tiền 7.194.300đ (bảy triệu một trăm chín mươi bốn ngàn, ba trăm đồng) án phí.

Ông Trần Nhật A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 3.910.000đ (ba triệu chín trăm mười ngàn đồng), theo biên lai thu tiền số AB/2013/008622, ngày 12/10/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, Tp Cần Thơ.

Về chi phí xem xét thẩm định, định giá, lệ phí trích đo địa chính: Hội đồng chi các khoản hết các khoảng là 5.812.000đ (năm triệu tám trăm mười hai ngàn đồng). Ông A đã nộp tạm ứng và chi xong. Trong đó có 04 người được chia gồm: ông C, ông K, bà B và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn D gồm bà E cùng các con ông F, bà G, ông H. Nên mỗi người phải chịu 1.453.000đ (một triệu bốn trăm năm mươi ba ngàn đồng) để chuyển trả lại cho ông Trần Nhật A.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa án tống đạt hợp lệ bản án hoặc trích sao án, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự".

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKS huyện;
- Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Cương Lĩnh